TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2019/DS-PT
Ngày 31 - 5 - 2019
V/v tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Ông Võ Thanh Huyến

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố HT, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 112/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lý Văn P, sinh năm: 1950 và bà Lý Kim X, sinh năm: 1955. Cùng địa chỉ: Tổ 06, kp2, phường PĐ, thành phố HT, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lý Long Ph (H), sinh năm: 1942. Địa chỉ: Tổ 03, kp2, phường PĐ, thành phố HT, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đoàn Công Th - Văn phòng luật sư Đoàn Công Th, đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1 - (Có mặt).

2. NLQ2 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ2: Ông Lý Văn P, sinh năm: 1950. Địa chỉ: Tổ 06, kp2, phường PĐ, thành phố HT, tỉnh Kiên Giang (Theo Văn bản ủy quyền ngày 05/10/2015) - (Có mặt).

3. NLQ3 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. NLQ4 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. NLQ5 (Có mặt).

6. NLQ6 (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lý Long Ph; NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lý Kim X trình bày:

Bà nội của bà tên Hồng Cúi L (chết năm 1979), cha của bà tên Lý Văn T (chết năm 1977), mẹ tên Huỳnh Thị Ê (chết năm 1965), cha mẹ có bốn người con gồm Lý Long Ph, Lý Văn P, Lý Kim X và NLQ2. Sau khi chết có để lại một mảnh ruộng và một mảnh đất vườn tọa lạc tại kp2, phường PĐ, thành phố HT, tỉnh Kiên Giang. Cha mẹ chết không để lại di chúc, toàn bộ giấy tờ đất giao lại cho bà cất giữ. Trước năm 1975, do bác tên Lý Văn K canh tác trên đất này, sau 1975 bà nội và cha từ Campuchia về đây ở do bà ở cùng cha và bà nội. Năm 1977 cha bà bị bệnh chết chôn cất trên đất vườn, năm 1978 bà và bà nội chạy giặc về TY, đến năm 1979 bà nội chết và chôn tại TY. Năm 1982 bà về ở trên đất vườn, đến khoảng năm 1986, 1987 bà dọn nhà đến ven biển ở để thuận tiện làm nghề đi biển nên giao lại giấy tờ cho ông Ph cất giữ. Đến năm 2004 bà về lại đất vườn dựng nhà ở, năm 2013 ông Lý Văn P từ KL chuyển về đất vườn cất nhà ở, khi anh em yêu cầu làm giấy đất thì ông Ph không đồng ý và nói là đất của ông đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ph và buộc ông Ph phân chia phần đất vườn có diện tích 6.699,3m^2, tờ bản đồ số PĐ-18, thửa số 116, tọa lạc tại kp2, phường PĐ, thành phố HT, tỉnh Kiên Giang làm ba phần cho bà, ông P, ông Ph. Riêng người em là NLQ2 từ chối không nhận đất của cha để lại.

Nguyên đơn ông Lý Văn P trình bày:

Ông thống nhất với ý kiến bà X về nguồn gốc đất. Ông có ở trên phần đất vườn từ năm 1975 đến năm 1977 thì ông về KL ở, đến năm 2013 ông từ KL về cất nhà ở tại đất vườn và yêu cầu phân chia đất, nhưng ông Phát không đồng ý. Nay

ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Phát phân chia phần đất vườn có diện tích 6.699,3m^2, tờ bản đồ số PĐ-18, thửa số 116, tọa lạc tại kp2, phường PĐ, thành phố HT, tỉnh Kiên Giang làm ba phần cho ông, bà X, ông Ph, còn người em là NLQ2 từ chối nhận phần.

Bị đơn ông Lý Long Ph trình bày:

Nguồn gốc đất vườn của cha ông là do bà nội mua lại từ thời Pháp cho cha đứng tên, phần đất ruộng thì do bà nội đứng tên. Phần đất này do cha và bà nội canh tác và ở trên đất đó, ông cất nhà hai gian cho cha và bà nội ở mỗi người ở một gian.

Trước năm 1975 do bác là ông Lý Văn K quản lý đất vườn, sau này cha ông về ở người bác giao trả lại và ông có trả tiền công trồng cây cho ông K là 06 chỉ vàng.

Đến năm 1977 cha bệnh chết, năm 1979 bà nội chết ở TY, sau đó ông tới lui coi đất, đầu tư trồng cây trên đất, còn bà X đi theo chồng không có ở trên đất đó. Giấy tờ đất là do ông giữ, bà X không có giữ ngày nào.

Năm 1990 ông đứng ra kê khai được NLQ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2004 cấp đổi giấy do giấy cấp năm 1990 hết thời hạn sử dụng.

Năm 2001 ông sợ anh em tranh chấp nên mới làm giấy họp gia tộc vào ngày 22/5/2001 âm lịch (Sau ngày giỗ mẹ một ngày) các anh em đều biết ông đã làm giấy đất và đồng ý không có tranh chấp.

Năm 2004 bà X về cất nhà ông cho cất nhà ở và có làm giấy cho ở 10 năm.

Năm 2013 ông P về ở ông cũng cho ở, nhưng khi ông P đòi chia đất để đem bán thì ông không đồng ý. Phần đất này do cha để lại, ông là người đứng ra canh tác, chăm sóc và giữ đất. Bà X, ông P không có công gì, nên không được chia phần. Ông không thống nhất theo ý kiến của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ5 trình bày: Ông có tất cả bốn anh em gồm NLQ3, NLQ4, NLQ5 và NLQ6. Mẹ tên Lê Thị Th đã chết vào năm 2009, hiện còn cha là Lý Long Ph. Về đất đai tranh chấp giữa các cô chú với cha, thì các anh em của ông không có ý kiến.

2. *NLQ1*: NLQ1 không ý kiến, Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố HT, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lý Long Ph chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất do ông Lý Văn T chết để lại cho bà Lý Kim X và ông Lý Văn P, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/10/2017 của Tòa

án nhân dân thị xã HT (nay là thành phố HT), tỉnh Kiên Giang và trích đo sơ đồ hiện trạng đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã HT (nay là thành phố HT), tỉnh Kiên Giang, ký ngày 13/3/2018,

- Chia giao cho bà Lý Kim X được quyền sử dụng đất và sở hữu các loại cây trồng trên đất có diện tích 2.037,0m^2 tại một phần của thửa đất số 116, tờ bản đồ PĐ-18, đất tại kp2, phường PĐ, thị xã HTi, tỉnh Kiên Giang. Vị trí đất có hình 2-3-4-5-18-17-16-15-10-2 (cạnh 2-3 giáp thửa đất 68 = 3,16m + 0,2m + 5,94m + 12,63m + 2,6m; cạnh 3-4 giáp thửa đất 126 = 48,77m + 31,14m + 42,92m; cạnh 4-5 giáp thửa đất 136 = 13,6m + 3,25m; cạnh 5-18 = 43,19m; cạnh 18-17 = 8,0m; cạnh 17-16 = 9,6m; cạnh 16-15 = 8,0m; cạnh 15-10 = 51,33m; 10-2 = 3,0m). (có biên bản và sơ đồ kèm theo).

- Chia giao cho ông Lý Văn P được quyền sử dụng đất và sở hữu các loại cây trồng trên đất có diện tích 1.873,4m^2 tại một phần của thửa đất số 116, tờ bản đồ PĐ-18, đất tại kp2, phường PĐ, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang. Vị trí đất có hình 9-11-12-13-14-6-5-18-17-16-15-10-9 (cạnh 9-11 = 39,43m; cạnh 11-12 = 16,01m; cạnh 12-13 = 11,35m; cạnh 13-14 = 16,01m; cạnh 14-6 = 50,57m; cạnh 6-5 giáp thửa đất 136 = 4,71m + 12,32m; cạnh 5-18 = 43,19m; cạnh 18-17 = 8,0m; cạnh 17-16 = 9,6m; cạnh 16-15 = 8,0m; cạnh 15-10 = 51,33m; cạnh 10-9 = 6,84m + 10,73m + 5,43m). (có biên bản và sơ đồ kèm theo).

- Chia giao cho ông Lý Long Ph được quyền sử dụng đất có diện tích 2.584,4m^2 tại một phần của thửa đất số 116, tờ bản đồ PĐ-18, đất tại kp2, phường PĐ, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang. Vị trí đất có hình 8-9-11-12-13-14-6-7-8 (cạnh 8-9 = 31,66m; cạnh 9-11 = 39,43m; cạnh 11-12 = 16,01m; cạnh 12-13 = 11,35m; cạnh 13-14 = 16,01m; cạnh 14-6 = 50,57m; cạnh 6-7 giáp thửa đất 136 = 9,07m + 9,71m + 2,14m; cạnh 7-8 giáp thửa đất 144b = 32,62m + 37,16m + 6,07m + 19,94m). (có biên bản sơ đồ kèm theo).

- Chia giao quyền sử dụng đất làm lối đi riêng và giao quyền sở hữu cây trồng trên đất cho bà Lý Kim X, ông Lý Văn P có diện tích 210,9m^2 (95,2m^2 + 115,7m^2) tại một phần của thửa đất số 116, tờ bản đồ PĐ-18, đất tại kp2, phường PĐ, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang. Vị trí đất có hình 1-2-10-9-8-1 (cạnh 1-2 giáp thửa đất 90, 91 = 31,89m + 3,29m + 2,32m + 10,98m + 6,61m; cạnh 2-10 = 3,0m; cạnh 10-9 = 6,84m + 10,73m + 5,43m; cạnh 9-8 = 31,66m; cạnh 8-1 = 3,0m). (có biên bản và sơ đồ kèm theo).

- Buộc bà Lý Kim X, ông Lý Văn P nộp trả giá trị cây trồng cho ông Lý Long Ph và các con ông Ph gồm NLQ3, NLQ4, NLQ5 và NLQ6, cụ thể bà Lý Kim X nộp trả số tiền là 31.196.500đ (Ba mươi mốt triệu một trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm đồng), trong đó tiền cây trồng trên đất được chia là 30.437.000đ, tiền cây

trồng trên đất làm lối đi là 759.500đ; ông Lý Văn P nộp trả số tiền là 10.164.500đ (Mười triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn năm trăm đồng), trong đó tiền cây trồng trên đất được chia là 9.405.000đ, tiền cây trồng trên đất làm lối đi là 759.500đ.

- Buộc ông Lý Long Ph và các con ông Ph gồm NLQ3, NLQ4, NLQ5 và NLQ6, tháo dỡ 1 chuồng trại làm bằng cây tạp trên phần đất chia giao cho ông Lý Văn P.

Các đương sự là ông Lý Long Ph, ông Lý Văn P và bà Lý Kim X có nghĩa vụ đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X222216, số vào sổ 06917QSDĐ/PĐ của NLQ1, cấp cho ông Lý Long Ph ngày 17/5/2004.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, lãi suất chậm trả, chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/01/2019, bị đơn Lý Long Ph và NLQ3, NLQ4, NLQ5 và NLQ6 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Hủy bản án số 01/2019/DS-ST ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố HT, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lý Long Phát và NLQ3, NLQ4, NLQ5 và NLQ6 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Nguồn gốc đất của bà Hồng Cúi L. Trước năm 1975, ông Lý Văn K quản lý canh tác, sau đó chuyển nhượng lại cho ông Phát với gia 06 chỉ vàng 24k. Phần đất hiện đang tranh chấp giữa các đương không phải là đất của ông Lý Văn T. Vì ông T chết trước bà Hồng Cúi L. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc ông Phát trả 06 chỉ vàng là đất nằm ở vị trí nào?

Về quan hệ pháp luật và việc áp dụng pháp luật: Vào thời gian bà Hồng Cúi L chết chưa có Luật đất đai, nên áp dụng Điều 11 Pháp lệnh thừa kế số 44, thì không thể chia quyền sử dụng đất. Đến Luật đất đai năm 1993, chế định thừa kế mới được đưa vào Luật, nên thừa kế chỉ được thừa nhận từ khi Luật đất đai có hiệu lực pháp luật 15/10/1993.

Về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Khoản 5 Điều 14 Luật Đất đai năm 1987 quy định: "*Người sử dụng đất không sử dụng đất được giao trong 6 tháng liền mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất đó cho phép*", thì đất sẽ bị thu hồi. Việc NLQ1 cấp giấy quyền sử dụng đất cho ông Lý Long Ph là phù hợp với Luật đất đai năm 1985. Nên việc hủy giấy là không đúng theo quy định pháp luật.

Ông Ph sử dụng đất đai từ năm 1984, ông Ph chiếm hữu trên 30 năm ngay tình, liên tục phù hợp với Điều 236 Bộ luật dân sự 2015. Tại phiên tòa hôm nay, ông Ph và các con của ông Ph thống nhất chia cho ông P và bà X mỗi người diện tích đất ngang 10m, dài 30m. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm.

Đồng nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lý Long Phá và NLQ3, NLQ4, NLQ5 và NLQ6. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung: Phần đất hiện đang tranh chấp giữa ông Lý Văn P, bà Lý Kim X với ông Lý Long Ph có nguồn gốc do ông Lý Văn T là cha của ông Ph, ông P và bà X để lại. Ông T chết không để lại di chúc, nên căn cứ Pháp lệnh thừa kế số 44/LCT/HĐNN ngày 30/8/1990 và Điều 623 Bộ luật Dân sự quy định thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản là 30 (ba mươi) năm. Ông Lý Văn T chết năm 1977, trước thời điểm có Pháp lệnh thừa kế, nên thời hiệu được tính từ ngày 30/8/1990. Do vậy, vẫn còn thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế. Tòa án nhân dân thành phố HT thụ lý, giải quyết là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Về phần đất các đương sự yêu cầu phân chia di sản theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) HT và Trích đo sơ đồ hiện trạng đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là thành phố) HT ký ngày 13/3/2018 có diện tích 6.705,7m^2 nằm trong phần đất đã được NLQ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lý Long Ph đứng tên 6.699,3m^2, diện tích đất tăng thêm 6,4m^2.

Việc ông Lý Long Ph đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xuất phát từ biên bản họp gia tộc về việc thỏa thuận đất vườn của cha Lý Văn T ngày 12/7/2001. Nội dung biên bản họp thể hiện bốn người con của ông Lý Văn T cùng thống nhất "giao cho Lý Long Ph được thừa hưởng, quản lý, sử dụng" không ai

được mua bán đất vườn của người cha để lại. Mặt khác, Tờ biên bản họp gia tộc còn quy định "Nếu sau này bốn anh em trong gia tộc cần một nền nhà để ở, thì anh Ph có trách nhiệm cho nền em ở, nhưng không sang tên làm thủ tục theo yêu cầu, chỉ được ở".

Tờ biên bản họp gia tộc đã thể hiện rõ đất có nguồn gốc của ông Lý Văn T để lại, tức là thuộc di sản thừa kế chưa phân chia. Nay các đương sự nằm trong hàng thừa kế thứ nhất yêu cầu chia di sản thừa kế đúng quy định của pháp luật, cũng không trái đạo lý. Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Lý Văn P, Lý Kim X là thỏa đáng.

Trong quá trình phân chia, Tòa cấp sơ thẩm đã tính cả phần công sức giữ gìn phần di sản, nên giao cho ông Lý Long Ph diện tích đất vườn lớn hơn ông Lý Văn P và bà Lý Kim X. Cụ thể, diện tích đất ông Lý Long Ph được chia 2.584,4m^2, ông Lý Văn P được diện tích 1.873,4m^2, bà Lý Kim X diện tích 2.037m^2. Việc phân chia như vậy là phù hợp.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ông Lý Long Ph cùng bốn người con làm đơn kháng cáo cho rằng: Phần đất ông Lý Long Ph đứng tên có nguồn gốc do ông Lý Văn K quản lý, sử dụng. Sau năm 1975, ông K đã sang nhượng lại cho ông Ph và ông Ph đã trả sáu chỉ vàng để quản lý canh tác đất đến nay, nên yêu cầu cấp phúc thẩm bác đơn của nguyên đơn.

Xét kháng cáo của ông Lý Long Ph cùng các con ông Ph gồm NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6 thấy rằng: Phần đất ông Ph đứng tên là của ông Lý Văn T để lại, biên bản họp gia tộc đã thể hiện rất rõ điều này. Mặc dù, khi đối chất ông P, bà X không thừa nhận chữ ký. Tuy nhiên, ông Ph là người viết biên bản và nội dung biên bản khẳng định là đất của ông T cha của các ông bà để lại.

Tại tờ cam kết đất vườn (BL 189) thể hiện việc ông K giao đất cho ông T, chứ không phải ông K đã bán cho ông Ph như đơn kháng cáo của ông Ph đã nêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Ph và các con của ông Ph không đưa ra được chứng cứ nào mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Ph và các con NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6.

Tuy nhiên, về phần án phí Tòa án cáp sơ thẩm có sai sót, nên cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo thuận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lý Long Ph và NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6. Sửa bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang về phần án phí.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lý Long Ph phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% với giá trị quyền sử dụng đất được chia 122.112.900 đồng là 6.105.645đ *(Sáu triệu một trăm lẻ năm nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng)*.

Ông Lý Văn P và bà Lý Kim X phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% giá trị tài sản được chia (quyền sử dụng đất + cây trồng trên đất mỗi người được chia + mỗi người phải chịu ½ giá trị cây trồng trên đất làm lối đi + mỗi người phải chịu ½ giá trị quyền sử dụng đất làm lối đi). Cụ thể như sau:

Ông Lý Văn P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% x 103.665.162 đồng (88.518.150 đồng + 9.405.000 đồng + 759.500 đồng + 4.982.512 đồng) = 5.183.258 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Lý Kim X phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% x 132.427.262 đồng (96.248.250 đồng + 30.437.000 đồng + 759.500 đồng + 4.982.512 đồng) = 6.621.363 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lý Long Ph, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6mỗi người phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Chi phí tố tụng khác:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 1.528.000 đồng. Buộc ông Lý Long Ph, ông Lý Văn P, bà Lý Kim X phải chịu. Do ông Lý Văn P đã nộp xong, nên buộc ông Lý Long Ph và bà Lý Kim X phải hoàn trả lại cho ông Lý Văn P mỗi người 509.000đ *(Năm trăm lẽ chín nghìn đồng)*.

- Chi phí thẩm định giá tài sản: Buộc ông Lý Long Ph, Lý Văn P và bà Lý Kim X phải chịu chi phí định giá tài sản số tiền là 4.488.000đ *(Bốn triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng)*, số tiền này ông Lý Văn P đã nộp xong, vì vậy buộc ông Lý Long Ph, bà Lý Kim phải hoàn trả cho ông Lý Văn P mỗi người 1.496.000đ *(Một triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng)*.

Ngày 01/8/2018, ông Lý Long Ph yêu cầu định giá lại cây trồng, tại phiếu thu ngày 18/10/2018 của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam, thu phí dịch vụ thẩm định giá là 5.000.000 đồng, ông Lý Long Ph đã nộp xong. Vì vậy buộc ông Lý Văn P, bà Lý Kim X phải hoàn trả lại cho ông Lý Long Ph mỗi người 1.666.000đ *(Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 34 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 157, 158, 165, 166, 623, 649 và 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 36 Pháp lệnh thừa kế số 44/LCT/HĐNN ngày 30/8/1990;

Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.;

Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lý Long Ph và NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6.

Sửa bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố HT, tỉnh Kiên Giang về phần án phí

- *Phần tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lý Long Ph chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất do ông Lý Văn T chết để lại cho bà Lý Kim X và ông Lý Văn P theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã HT (nay là thành phố HT), tỉnh Kiên Giang và Trích đo sơ đồ hiện trạng đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hà Tiên (nay là thành phố HT), tỉnh Kiên Giang ký ngày 13/3/2018.

2. Chia giao cho bà Lý Kim X được quyền sử dụng đất và sở hữu các loại cây trồng trên đất có diện tích 2.037m^2 tại một phần của thửa đất số 116, tờ bản đồ PĐ-18, đất tại kp2, phường PhĐ, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang. Vị trí đất có hình 2-3-4-5-18-17-16-15-10-2 (cạnh 2-3 giáp thửa đất 68 = 3,16m + 0,2m + 5,94m + 12,63m + 2,6m; cạnh 3-4 giáp thửa đất 126 = 48,77m + 31,14m + 42,92m; cạnh 4-5 giáp thửa đất 136 = 13,6m + 3,25m; cạnh 5-18 = 43,19m; cạnh 18-17 = 8,0m; cạnh 17-16 = 9,6m; cạnh 16-15 = 8,0m; cạnh 15-10 = 51,33m; 10-2 = 3,0m) - (có biên bản và sơ đồ kèm theo).

3. Chia giao cho ông Lý Văn P được quyền sử dụng đất và sở hữu các loại cây trồng trên đất có diện tích 1.873,4m^2 tại một phần của thửa đất số 116, tờ bản đồ PĐ-18, đất tại kp2, phường PĐà, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang. Vị trí đất có hình 9-11-12-13-14-6-5-18-17-16-15-10-9 (cạnh 9-11 = 39,43m; cạnh 11-12 = 16,01m; cạnh 12-13 = 11,35m; cạnh 13-14 = 16,01m; cạnh 14-6 = 50,57m; cạnh 6-5 giáp thửa đất 136 = 4,71m + 12,32m; cạnh 5-18 = 43,19m; cạnh 18-17 = 8,0m; cạnh 17-16 = 9,6m; cạnh 16-15 = 8,0m; cạnh 15-10 = 51,33m; cạnh 10-9 = 6,84m + 10,73m + 5,43m) - (có biên bản và sơ đồ kèm theo).

4. Chia giao cho ông Lý Long Ph được quyền sử dụng đất có diện tích 2.584,4m^2 tại một phần của thửa đất số 116, tờ bản đồ PĐ-18, đất tại kp2, phường PĐ, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang. Vị trí đất có hình 8-9-11-12-13-14-6-7-8 (cạnh 8-9 = 31,66m; cạnh 9-11 = 39,43m; cạnh 11-12 = 16,01m; cạnh 12-13 = 11,35m; cạnh 13-14 = 16,01m; cạnh 14-6 = 50,57m; cạnh 6-7 giáp thửa đất 136 = 9,07m + 9,71m + 2,14m; cạnh 7-8 giáp thửa đất 144b = 32,62m + 37,16m + 6,07m + 19,94m) - (có biên bản sơ đồ kèm theo).

5. Chia giao quyền sử dụng đất làm lối đi riêng và giao quyền sở hữu cây trồng trên đất cho bà Lý Kim X, ông Lý Văn P có diện tích 210,9m^2 (95,2m^2 + 115,7m^2) tại một phần của thửa đất số 116, tờ bản đồ PĐ-18, đất tại kp2, phường PĐ, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang. Vị trí đất có hình 1-2-10-9-8-1 (cạnh 1-2 giáp thửa đất 90, 91 = 31,89m + 3,29m + 2,32m + 10,98m + 6,61m; cạnh 2-10 = 3,0m; cạnh 10-9 = 6,84m + 10,73m + 5,43m; cạnh 9-8 = 31,66m; cạnh 8-1 = 3,0m) - (có biên bản và sơ đồ kèm theo).

6. Buộc bà Lý Kim X, ông Lý Văn P nộp trả giá trị cây trồng cho ông Lý Long Ph và các con ông Ph gồm NLQ3, NLQ4, NLQ5 và NLQ6, cụ thể bà Lý Kim X nộp trả số tiền là 31.196.500đ *(Ba mươi mốt triệu một trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng)*. Trong đó tiền cây trồng trên đất được chia là 30.437.000 đồng, tiền cây trồng trên đất làm lối đi là 759.500 đồng; Ông Lý Văn P nộp trả số tiền là 10.164.500đ *(Mười triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm đồng)*, trong đó tiền cây trồng trên đất được chia là 9.405.000 đồng, tiền cây trồng trên đất làm lối đi là 759.500 đồng.

7. Buộc ông Lý Long Ph và các con ông Phát gồm NLQ3, NLQ4, NLQ5 và NLQ6, tháo dỡ một chuồng trại làm bằng cây tạp trên phần đất chia giao cho ông Lý Văn P.

8. Các đương sự là ông Lý Long Ph, ông Lý Văn P và bà Lý Kim X có nghĩa vụ đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

9. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X222216, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 06917QSDĐ/PĐ của Ủy ban nhân dân thị xã HT, cấp cho ông Lý Long Ph ngày 17/5/2004.

10 Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lý Long Ph phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 6.105.645đ *(Sáu triệu một trăm lẻ năm nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng)*.

Ông Lý Văn P phải nộp số tiền là 5.183.558 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03800 ngày 22/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Kiên Giang (Ngô Hồng Nh nộp thay). Ông Lý Văn P còn phải nộp thêm 4.983.558đ *(Bốn triệu chín trăm tám mươi ba nghìn năm trăm năm mươi tám đồng)*.

Bà Lý Kim X phải nộp số tiền là 6.621.363đ *(Sáu triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng)*, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03799 ngày 22/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Kiên Giang (Ngô Hồng Nh nộp thay). Bà X còn phải nộp thêm 6.421.363đ *(Sáu triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng)*.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lý Long Ph, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6 mỗi người phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008851, 0008853, 0008852, 0008854, 0008855 cùng ngày 30/01/2019 (Do NLQ5 là người nộp). Ông Ph, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6 không phải nộp thêm.

11. Chi phí tố tụng khác:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Lý Long Ph và bà Lý Kim X phải hoàn trả lại cho ông Lý Văn Pô mỗi người 509.000đ *(Năm trăm lẽ chín nghìn đồng)*.

- Chi phí thẩm định giá tài sản:

Buộc ông Lý Văn P phải trả cho ông Lý Long Ph 170.000đ *(Một trăm bảy mươi nghìn đồng)*.

Buộc bà Lý Kim Ý trả cho ông Lý Văn P 1.496.000đ *(Một triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng)* và ông Lý Long Ph 1.666.000đ *(Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

"Mức lãi suất hai bên thỏa thuận" là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

12. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố T;
- THA dân sự thành phố HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Đình Thi